

Phụ lục III (Mẫu biểu số 56.1)
ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)
(Kèm theo Công văn số /UBND-ĐT KT ngày /4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế từ đầu năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	I	2	3	4=3/I	5
	TỔNG CHI NSDP	39.987.756	10.559.541	10.559.541	26,41	95,18
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	34.027.579	9.497.180	9.497.180	27,91	103,38
I	Chi đầu tư phát triển	6.810.500	4.250.915	4.250.915	62,42	103,94
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	6.810.500	4.250.915	4.250.915	62,42	104,72
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi	12.500	-	-	-	
III	Chi thường xuyên	26.526.155	5.245.725	5.245.725	19,78	102,93
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.667.617	2.594.112	2.594.112	18,98	105,82
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	83.700	8.240	8.240	9,84	118,71
IV	Chi cho vay	-	-	-		
V	Chi viện trợ	-	-	-		
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.440	-	-	-	-
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	675.984	-	-	-	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế	-	-	-		
IX	Các nhiệm vụ chi khác	-	541	541		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	5.960.177	1.062.360	1.062.360	17,82	55,68
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	2.403.075	173.085	173.085	7,20	11,82
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	3.557.102	889.276	889.276	25,00	200,54
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	-				